

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn xã  
trình HĐND xã năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA KIỆM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Gia Kiệm tại Tờ trình số 407A/TTr-KT ngày 12/12/2025 về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn xã trình HĐND xã thông qua năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 trình Hội đồng nhân dân xã Gia Kiệm (các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, thủ trưởng các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Khối MMTQ và các tổ chức xã hội xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các cơ quan, ban ngành xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**La Nguyễn Minh Hiền**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 103/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>336.858.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>336.858.000</b>
<b>I. Các khoản thu xã được hưởng 100%</b>	<b>12.800.000</b>	<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>57.790.000</b>
- Thuế tài nguyên	1.300.000		
- Lệ phí trước bạ	9.300.000		
- Phí và lệ phí	2.300.000		
- Thuế sử dụng đất PNN	1.100.000		
- Thu khác	1.800.000		
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>	<b>42.175.000</b>	<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>271.817.000</b>
- Thuế GTGT	15.635.000		
- Thuế TNDN	2.360.000		
- Thuế đất	1.780.000		
- Thu tiền sử dụng đất	22.400.000		
<b>III. Thu bổ sung</b>	<b>281.883.000</b>	<b>III. Dự phòng</b>	<b>7.251.000</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	281.883.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 104/CK TC-NSNN

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>13.785.000</b>	<b>297.595.000</b>	<b>85.825.000</b>	<b>336.858.000</b>	<b>623%</b>	<b>113%</b>
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1.820.000</b>	<b>4.078.000</b>	<b>4.100.000</b>	<b>1.100.000</b>	<b>225,27%</b>	<b>26,97%</b>
	- Phí lệ phí	1.010.000	1.010.000	2.300.000	2.300.000	228%	228%
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	- Đóng góp của nhân dân theo quy định		2.258.000				
	- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	- Thu khác	810.000	810.000	1.800.000	1.800.000	222%	222%
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>11.965.000</b>	<b>5.377.000</b>	<b>81.725.000</b>	<b>53.875.000</b>	<b>683,03%</b>	<b>1001,95%</b>
1	<b>Các khoản thu phân chia</b>	<b>3.730.000</b>	<b>2.268.000</b>	<b>11.700.000</b>	<b>11.700.000</b>	<b>313,67%</b>	<b>515,87%</b>
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	805.000	805.000	1.100.000	1.100.000	137%	137%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Thuế tài nguyên			1.300.000	1.300.000		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	2.925.000	1.463.000	9.300.000	9.300.000		
2	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định</b>	<b>8.235.000</b>	<b>3.109.000</b>	<b>70.025.000</b>	<b>42.175.000</b>		
	- Thuế GTGT	5.270.000	3.109.000	26.500.000	15.635.000	503%	
	- Thuế thu nhập cá nhân	2.965.000		9.300.000		314%	
	- Thuế TNDN			4.000.000	2.360.000		
	- Thuế đất			2.225.000	1.780.000		
	- Thu tiền sử dụng đất			28.000.000	22.400.000		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
IV	<b>Thu chuyển nguồn</b>		<b>15.600.000</b>				

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		501.000				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	272.039.000	0	281.883.000	104%	
	- Bổ sung cân đối ngân sách		183.575.000		281.883.000	154%	
	- Bổ sung có mục tiêu		88.464.000				



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ GIA KIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu số 105/CK TC-NSNN

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
		Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>295.472.000</b>	<b>25.202.000</b>	<b>270.270.000</b>	<b>336.858.000</b>	<b>57.790.000</b>	<b>279.068.000</b>	<b>114%</b>	<b>2,2931</b>	<b>103%</b>
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	162.210.000		162.210.000	165.221.000		165.221.000			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	60.000		60.000	127.000		127.000			
3	Chi y tế	0			60.000		60.000			
4	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự ATXH	<b>10.089.000</b>	<b>0</b>	<b>10.089.000</b>	<b>13.220.000</b>	<b>0</b>	<b>13.220.000</b>	<b>131%</b>	<b>0</b>	<b>131%</b>
	- Chi dân quân tự vệ	5.584.000		5.584.000	8.615.000		8.615.000	154%		154%
	- Chi trật tự an toàn xã hội	4.505.000		4.505.000	4.605.000		4.605.000	102%		102%
5	Chi văn hóa thông tin	223.000		223.000	400.000		400.000	179%		179%
6	Chi phát thanh, truyền thanh	102.000		102.000	200.000		200.000	196%		196%
7	Chi thể dục, thể thao	117.000		117.000	300.000		300.000	256%		256%
8	Chi bảo vệ môi trường	3.117.000		3.117.000	7.605.000		7.605.000			244%
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.454.000		1.454.000	5.700.000		<b>5.700.000</b>	<b>392%</b>		<b>392%</b>
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	<b>75.871.000</b>	<b>0</b>	<b>75.871.000</b>	<b>39.771.000</b>	<b>0</b>	<b>39.771.000</b>	<b>52%</b>		<b>52%</b>
	Trong đó:									
	- Văn phòng Đảng uỷ	6.755.000		6.755.000	8.967.000		8.967.000			
	- Ủy ban MTTQ	4.050.000		4.050.000	3.905.000		3.905.000			

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
		Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên	Tổng số	ĐTPT	Thường xuyên
	- Văn phòng HĐND - UBND	15.484.000		15.484.000	12.001.000		12.001.000			
	- Phòng Kinh tế	16.256.000		16.256.000	5.821.000		5.821.000			
	- Phòng Văn hoá - Xã hội	5.843.000		5.843.000	4.292.000		4.292.000			
	- Trung tâm phục vụ HCC	2.137.000		2.137.000	2.427.000		2.427.000			
	- Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.574.000		1.574.000	2.356.000		2.356.000			
	- Dự toán đã chi 6 tháng đầu năm	16.958.000		16.958.000	0					
11	Chi cho công tác xã hội	<b>13.025.000</b>	<b>0</b>	<b>13.025.000</b>	<b>26.124.000</b>	<b>0</b>	<b>26.124.000</b>	<b>201%</b>		<b>201%</b>
	- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	0								
	- Trợ cấp xã hội	12.903.000		12.903.000			26.124.000	0%		202%
	- Khác	122.000		122.000						
12	Chi khác	2.393.000		2.393.000	13.089.000		13.089.000	547%		547%
13	Dự phòng	1.609.000		1.609.000	7.251.000		7.251.000	451%		451%





UBND XÃ GIA KIỂM

Biểu số 106/CK TC-NSNN

## DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1.000.000 đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	Nguồn cân đối ngân sách
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>57.790</b>	<b>57.790</b>	<b>57.790</b>	<b>0.0</b>
	<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>				<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>
	<b>Không</b>									
	<b>2. Công trình khởi công mới</b>				<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>0.0</b>
	<b>Không</b>									
	<b>3. Công trình chuẩn bị đầu tư</b>				<b>0.0</b>	<b>0.0</b>	<b>57.790</b>	<b>57.790</b>	<b>57.790</b>	<b>0.0</b>
<b>A.1</b>	<b>Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				-	-	-	-	-	-
1	Hệ thống loa truyền thanh thông minh 4G	2026-2028			-	-	-	-	-	-
2	Mua sắm 01 bộ máy Camera chuyên dụng kỹ thuật số	2026-2028			-	-	-	-	-	-
<b>A.2</b>	<b>Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>				-	-	-	-	-	-
1	Trụ sở Công an xã Gia Kiệm, HM: Cải tạo, sửa chữa	2026-2028			-	-	-	-	-	-

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	và xây dựng hàng rào									
<b>A.3</b>	<b>Lĩnh vực Quốc phòng</b>				-	-	-	-	-	-
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ban CHQS xã Gia Kiệm	2026-2028			-	-	-	-	-	-
<b>A.4</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>				-	-	-	-	-	-
1	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Gia Kiệm (cơ sở 2)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
2	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Quang Trung A	2026-2028			-	-	-	-	-	-
3	Cấp trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mầm non Quang Trung B	2026-2028			-	-	-	-	-	-
4	Trường mầm non Tuổi Thơ, HM: Lắp đặt mái che sân trường	2026-2028			-	-	-	-	-	-
5	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Lê Quý Đôn	2026-2028			-	-	-	-	-	-
6	Trường tiểu học Chu Văn An, HM: Cung cấp trang thiết bị dạy học và lắp đặt mái che sân trường	2026-2028			-	-	-	-	-	-
7	Trường tiểu học Nguyễn Huệ, HM: Cải tạo sửa chữa và cung cấp trang thiết bị	2026-2028			-	-	-	-	-	-
8	Trường Tiểu học Phù Đổng, HM: Cải tạo sửa chữa và cung cấp trang thiết bị	2026-2028			-	-	-	-	-	-

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
9	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, HM: Cải tạo sửa chữa và cung cấp trang thiết bị	2026-2028			-	-	-	-	-	-
10	Trường THCS Quang Trung, HM: Lắp đặt mái che sân trường	2026-2028			-	-	-	-	-	-
11	Trường THCS Thăng Long, HM: Lắp đặt mái che sân trường	2026-2028			-	-	-	-	-	-
12	Cung cấp thiết bị dạy học tối thiểu	2026-2028			-	-	-	-	-	-
<b>A.5</b>	<b>Lĩnh vực Giao thông</b>				-	-	-	-	-	-
1	Đường song hành phía Đông giai đoạn 2 (từ đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến xã Dầu Giây)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
2	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường song hành phía Đông)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
3	Nâng cấp cầu, đường Lạc Sơn - Xuân Thiện giai đoạn 1 (Đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cầu Ông Biên)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
4	Nâng cấp đường Lạc Sơn - Xuân Thiện giai đoạn 2 (Đoạn từ Cầu Ông Biên đến đoạn Km03+400)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
5	Nâng cấp đường Võ đồng - Cầu cường giai đoạn 1 (Đoạn đường Võ đồng - Lạc Sơn đến đường song hành phía đông)	2026-2028			-	-	-	-	-	-

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
6	Nâng cấp đường Võ đồng - Cầu cường giai đoạn 2 (Đoạn đường song hành phía đông đến trường tiểu học Nguyễn Du)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
7	Nâng cấp đường Đống Đa (Đoạn từ Quốc lộ 20 đến Cầu Ba Bôi)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
8	Nâng cấp đường, cầu cầu kết nối ấp Phúc Nhạ 1 đi đường Đông Kim – Xuân Thiện	2026-2028			-	-	-	-	-	-
9	Xây dựng Cầu Ván	2026-2028			-	-	-	-	-	-
10	Nâng cấp đường Đông kim - Xuân Thiện (Đoạn từ Quốc lộ 20 đến đường ĐT 770B)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
11	Nâng cấp đường Võ đồng - Lạc Sơn	2026-2028			-	-	-	-	-	-
12	Nâng cấp hệ thống mương chống ngập khu vực Tây Nam - Tây Kim	2026-2028			-	-	-	-	-	-
<b>A.6</b>	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>				-	-	-	-	-	-
1	Nạo vét Suối 1	2026-2028			-	-	-	-	-	-
2	Nạo vét Suối 2 (suối Goa Dung)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
3	Nạo vét thượng nguồn Đập Thọ	2026-2028			-	-	-	-	-	-

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>A.7</b>	<b>Lĩnh vực Văn hóa</b>				-	-	-	-	-	-
1	Hạ tầng công nghệ thông tin	2026-2028			-	-	-	-	-	-
2	Sửa chữa khuôn viên và TTVH - HTCD xã Gia Tân 3 (cũ)	2026-2028			-	-	-	-	-	-
3	Bổ sung mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao tại các ấp	2026-2028			-	-	-	-	-	-
4	Sơn sửa cổng chào, bảng hiệu các ấp trên địa bàn xã	2026-2028			-	-	-	-	-	-
5	Sửa chữa Văn phòng ấp Nam Sơn; Nguyễn Huệ 2; Bắc Sơn; Lạc Sơn	2026-2028			-	-	-	-	-	-
<b>A.8</b>	<b>Lĩnh vực Công trình công cộng</b>				-	-	-	-	-	-
1	Trụ sở UBND xã Gia Kiệm, HM: Cải tạo, sửa chữa và Xây mới các hạng mục phụ	2026-2028			-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

